Ký bởi: Cục Quản lý Dược
Cơ quan: Bộ Y tế
Ngày ký: 30-12-2022 14:54:16 +07:00

BỘ Y TẾ
CỤC QUẢN LÝ DƯỢC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 854 / QĐ-QLD

Hà Nội, ngày 30 tháng 12 năm 2022

syt_hoabinh_vt_30/12/2022 16:46:04

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Danh mục 179 thuốc sản xuất trong nước được gia hạn giấy đăng ký lưu hành tại Việt Nam - Đợt 182

CỤC TRƯỞNG CỤC QUẢN LÝ DƯỢC

Căn cứ Luật Dược số 105/2016/QH13 ngày 06/4/2016;

Căn cứ Nghị định số 95/2022/NĐ-CP ngày 15/11/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Căn cứ Thông tư số 08/2022/TT-BYT ngày 05/09/2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định việc đăng ký lưu hành thuốc, nguyên liệu làm thuốc;

Căn cứ Quyết định số 7868/QĐ-BYT ngày 28/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Quản lý Dược thuộc Bộ Y tế;

Căn cứ kết luận của Hội đồng tư vấn cấp giấy đăng ký lưu hành thuốc, nguyên liệu làm thuốc - Bộ Y tế;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đăng ký thuốc, Cục Quản lý Dược.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Danh mục 179 thuốc sản xuất trong nước được gia hạn giấy đăng ký lưu hành tại Việt Nam - Đợt 182. Các thuốc tại Danh mục này được giữ nguyên thông tin số đăng ký đã cấp, cụ thể:

1. Danh mục 172 thuốc sản xuất trong nước được gia hạn giấy đăng ký lưu hành tại Việt Nam có hiệu lực 05 năm kể từ ngày ký ban hành Quyết định này (Phụ lục I kèm theo).

2. Danh mục 07 thuốc sản xuất trong nước được gia hạn giấy đăng ký lưu hành tại Việt Nam có hiệu lực 03 năm kể từ ngày ký ban hành Quyết định này (Phụ lục II kèm theo).

Điều 2. Cơ sở sản xuất và cơ sở đăng ký thuốc có trách nhiệm:

1. Sản xuất thuốc theo đúng các hồ sơ, tài liệu đã đăng ký với Bộ Y tế và phải in số đăng ký được Bộ Y tế Việt Nam cấp lên nhãn thuốc.

2. Chỉ được sản xuất, đưa ra lưu hành các thuốc kiểm soát đặc biệt khi có Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược phạm vi kinh doanh thuốc phải kiểm soát đặc biệt phù hợp với phạm vi hoạt động của cơ sở đáp ứng quy định tại khoản 5 Điều 143 Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Dược.

3. Thực hiện việc cập nhật tiêu chuẩn chất lượng của thuốc theo quy định tại Thông tư số 11/2018/TT-BYT ngày 04/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về chất lượng thuốc, nguyên liệu làm thuốc.

4. Thực hiện, phối hợp với cơ sở nhập khẩu thực hiện theo đúng quy định tại Công văn số 5853/QLD-CL ngày 19/4/2019 của Cục Quản lý Dược về việc kiểm tra chất lượng nguyên liệu làm thuốc nhóm sartan đối với các thuốc thuộc danh mục tại Điều 1 có chứa dược chất thuộc nhóm sartan.

5. Cập nhật nhãn thuốc, tờ hướng dẫn sử dụng thuốc theo quy định tại Thông tư số 01/2018/TT-BYT ngày 18/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định ghi nhãn thuốc,

nguyên liệu làm thuốc và tờ hướng dẫn sử dụng thuốc trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày ký ban hành Quyết định này, theo hình thức thay đổi, bổ sung giấy đăng ký lưu hành thuốc quy định tại Thông tư số 08/2022/TT-BYT.

6. Phối hợp với các cơ sở điều trị để thực hiện theo đúng các quy định hiện hành về thuốc kê đơn, theo dõi an toàn, hiệu quả, tác dụng không mong muốn của thuốc trên người Việt Nam và tổng hợp, báo cáo theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 08/2022/TT-BYT đối với các thuốc thuộc Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này.

7. Cơ sở đăng ký thuốc phải bảo đảm duy trì điều kiện hoạt động trong thời gian hiệu lực của giấy đăng ký lưu hành thuốc, nguyên liệu làm thuốc. Trong trường hợp không còn đáp ứng đủ điều kiện hoạt động, cơ sở đăng ký phải có trách nhiệm thực hiện thay đổi cơ sở đăng ký theo quy định tại Thông tư số 08/2022/TT-BYT trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày cơ sở đăng ký không còn đủ điều kiện hoạt động.

8. Cơ sở sản xuất thuốc phải bảo đảm các điều kiện hoạt động của cơ sở sản xuất trong thời hạn hiệu lực của giấy đăng ký lưu hành thuốc, nguyên liệu làm thuốc.

Điều 3. Đối với các thuốc có thay đổi về hồ sơ hành chính (bao gồm nhãn, tờ hướng dẫn sử dụng thuốc) trong hồ sơ gia hạn, sau 12 tháng kể từ ngày ban hành Quyết định này, cơ sở không được sản xuất thuốc với các nội dung cũ đã đề nghị thay đổi.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 5. Giám đốc Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Giám đốc cơ sở sản xuất và cơ sở đăng ký có thuốc tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 5;
- BT. Đào Hồng Lan (để b/c);
- TT. Đỗ Xuân Tuyên (để b/c);
- Cục Quân y - Bộ Quốc phòng, Cục Y tế - Bộ Công an;
- Cục Y tế GTVT - Bộ Giao thông vận tải;
- Tổng Cục Hải quan - Bộ Tài chính;
- Bảo hiểm xã hội Việt Nam;
- Bộ Y tế: Vụ PC, Cục QLYDCT, Cục QLKCB, Thanh tra Bộ, Văn phòng HĐTV cấp GĐKLH thuốc, NLLT;
- Viện KN thuốc TƯ, Viện KN thuốc TP. HCM;
- Tổng Công ty Dược Việt Nam - Công ty CP;
- Các Bệnh viện, Viện có giường bệnh trực thuộc Bộ Y tế;
- Trung tâm mua sắm tập trung thuốc quốc gia;
- Cục QLD: P.QLKDD, P.QLCLT, P.PCTTra, P.QLGT; Website;
- Lưu: VT, ĐKT.

CỤC TRƯỞNG

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
CỤC QUẢN LÝ DƯỢC
BỘ Y TẾ

Vũ Tuấn Cường

Phụ lục I

DANH MỤC 172 THUỐC SẢN XUẤT TRONG NƯỚC ĐƯỢC GIA HẠN GIẤY ĐĂNG KÝ LƯU HÀNH TẠI VIỆT NAM HIỆU LỰC 05 NĂM - ĐỢT 182

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 854...../QĐ-QLD ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Cục Quản lý Dược)

1. Cơ sở đăng ký: Công ty Cổ phần Dược Danapha (Địa chỉ: 253 Dũng Sĩ Thanh Khê, P. Thanh Khê Tây, Q. Thanh Khê, TP. Đà Nẵng, Việt Nam)

1.1. Cơ sở sản xuất: Công ty Cổ phần Dược Danapha (Địa chỉ: 253 Dũng Sĩ Thanh Khê, P. Thanh Khê Tây, Q. Thanh Khê, TP. Đà Nẵng, Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ (tháng)	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký	Lần gia hạn
1	Benzydamin Throat Spray 0.3%	Benzydamin hydroclorid 45mg/15ml	Dung dịch thuốc xịt họng	36	TCCS	Hộp 1 lọ x 15 ml	VD-19273-13	01
2	Carbamazepin 200 mg	Carbamazepin 200mg	Viên nén	36	TCCS	Hộp 1 lọ x 100 viên; Hộp 10 vỉ x 10 viên	VD-23439-15	01
3	Cosaten	Perindopril tert-butylamin 4mg	Viên nén	36	TCCS	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VD-18905-13	01
4	Danapha-Telfadin	Fexofenadin hydroclorid 60mg	Viên nén bao phim	36	TCCS	Hộp 1 vỉ x 10 viên	VD-24082-16	01
5	Darintab	Sumatriptan (dưới dạng Sumatriptan succinat 70mg) 50mg	Viên nén bao phim	36	TCCS	Hộp 2 vỉ x 1 viên	VD-20630-14	01
6	Haloperidol 1.5 mg	Haloperidol 1,5mg	Viên nén	36	TCCS	Hộp 10 vỉ x 25 viên; Hộp 1 lọ x 400 viên	VD-24085-16	01
7	Hi-Tavic	Paracetamol 325mg; Tramadol hydroclorid 37,5mg	Viên nén bao phim	36	TCCS	Hộp 6 vỉ x 10 viên	VD-21805-14	01
8	Lepigin 25	Clozapin 25mg	Viên nén	36	TCCS	Hộp 5 vỉ x 10 viên	VD-22741-15	01
9	Meloxicam 15 mg/1,5 ml	Meloxicam 15mg/1,5ml	Dung dịch tiêm	36	TCCS	Hộp 10 ống x 1,5 ml	VD-19814-13	01
10	Vitamin K1 10mg/1ml	Phytomenadion (Vitamin K1) 10mg/1ml	Dung dịch tiêm	36	TCCS	Hộp 10 ống x 1ml	VD-18191-13	01

2. Cơ sở đăng ký: Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam (Địa chỉ: Khu vực 8, phường Nhơn Phú, thành phố Quy Nhơn, Bình Định, Việt Nam)

2.1. Cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam (Địa chỉ: Khu vực 8, phường Nhơn Phú, thành phố Quy Nhơn, Bình Định, Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ (tháng)	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký	Lần gia hạn
11	Dextrose-Natri	Mỗi 500ml dung dịch chứa: Glucose khan 25g; Natri clorid 2,25g	Dung dịch tiêm truyền	36	BP2021	Chai nhựa 500 ml; Thùng 20 Chai x 500 ml	VD-20309-13	01
12	Gentamicin Kabi 40mg/ml	Gentamicin (dưới dạng gentamicin sulfat) 40mg/1ml	Dung dịch tiêm	36	TCCS	Hộp 10 ống x 1 ml	VD-22590-15	01

syt_hoabinh_vt_So Y te Hoa Binh_30/12/2022 16:46:04

3. Cơ sở đăng ký: Công ty Cổ phàn tập đoàn Dược phẩm và Thương mại Sohaco (Địa chỉ: Số 5 Láng Hạ, Phường Thành Công, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam)

3.1. Cơ sở sản xuất: Công ty Cổ phần Dược phẩm Me Di Sun (Địa chỉ: Số 521, Khu phố An Lợi, Phường Hòa Lợi, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ (tháng)	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký	Lần gia hạn
13	Newstomaz	Simethicon 300mg; Alverin citrat 60mg	Viên nang mềm	36	TCCS	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VD-21865-14	01

4. Cơ sở đăng ký: Công ty cổ phần công nghệ sinh học - dược phẩm ICA (Địa chỉ: Lô 10, đường số 5, KCN Việt Nam - Singapore, Thuận An, Bình Dương, Việt Nam)

4.1. Cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần công nghệ sinh học - dược phẩm ICA (Địa chỉ: Lô 10, đường số 5, KCN Việt Nam - Singapore, Thuận An, Bình Dương, Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ (tháng)	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký	Lần gia hạn
14	Adagrin	Sildenafil (dưới dạng Sildenafil citrat) 100mg	Viên nén bao phim	36	TCCS	Hộp 1 vỉ x 3 viên	VD-17818-12	01

5. Cơ sở đăng ký: Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (BIDIPHAR) (Địa chỉ: 498 Nguyễn Thái Học, Phường Quang Trung, Tp. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam)

5.1. Cơ sở sản xuất: Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (BIDIPHAR) (Địa chỉ: 498 Nguyễn Thái Học, Phường Quang Trung, Tp. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ (tháng)	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký	Lần gia hạn
15	Alcohol 70^0	Cồn 94^0 804,3ml/1000ml	Dung dịch dùng ngoài	36	TCCS	Chai 60 ml; Chai 500ml; Chai 1000ml	VS-4876-14	01
16	Berberin	Berberin clorid 100mg	Viên nang cứng	24	TCCS	Hộp 20 vỉ x 10 viên. Lọ 100 viên	VD-19319-13	01
17	Biceflexin	Cefalexin 500mg	Viên nang	36	DĐVN V	Hộp 10 vỉ x	VD-19841-13	01

	500		cứng			10 viên; Lọ 100 viên; Lọ 200 viên		
18	Bifumax 1,5g	Cefuroxim (dưới dạng Cefuroxim natri) 1,5g	Bột pha tiêm	36	USP42	Hộp 1 lọ + 1 ống nước cất pha tiêm 15 ml; Hộp 10 lọ	VD-21232-14	01
19	Bitolysis 1,5%	Mỗi 100ml dung dịch chứa: Dextrose monohydrat 1,5g; Natri clorid 538mg; Natri lactat 448mg; Calci clorid.H_2O 25,7mg; Magnesi clorid.6.H_2O 5,08mg	Dung dịch thẩm phân phúc mạc	24	TCCS	Túi nhựa 2 lít	VD-18929-13	01
20	Bitolysis 2,5% Low calci	Mỗi 100 ml dung dịch chứa: Dextrose monohydrat 2,5g; Natri clorid 538mg; Natri lactat 448mg;Calci clorid.2.H_2O 18,3mg; Magnesi clorid.6.H_2O 5,08mg	Dung dịch thẩm phân phúc mạc	24	TCCS	Túi nhựa 2 lít	VD-18932-13	01
21	Bidiseptol	Sulfamethoxazol 400mg; Trimethoprim 80mg	Viên nén	36	USP43	Hộp 10 vỉ x 20 viên	VD-23774-15	01
22	Bilodin	Loratadin 10mg	Viên nén	24	USP-NF 2022	Hộp 5 vỉ x 10 viên; Hộp 10 vỉ x 10 viên	VD-20669-14	01
23	Magnesium - B6	Magnesium lactat dihydrat 470mg; Pyridoxin hydroclorid 5mg	Viên nén bao phim	36	TCCS	Hộp 5 vỉ x 10 viên	VD-20421-14	01
24	Atorlog 20	Atorvastatin 20mg	Viên nén bao phim	24	TCCS	Hộp 3 vỉ x 10 viên; Hộp 10 vỉ x 10 viên	VD-19317-13	01
25	BDF-Fdacell 50	Fludarabin phosphat 50mg	Thuốc bột đông khô pha tiêm	18	USP42	Hộp 1 lọ + 1 ống nước cất pha tiêm 2 ml	VD-23134-15	01
26	Bestdocel 80	Docetaxel anhydrous	Dung dịch đậm đặc	24	TCCS	Hộp 1 lọ x 2 ml + 1 lọ	VD-21823-14	01

sở_hoabinh_vt_So Y te Hoa Binh_31/03/2022 16:46:04

		80mg/2ml	pha tiêm truyền tĩnh mạch			dung môi ethanol 13% 7,33ml		
27	Bidisol	Oxymetazolin. HCl 7,5mg/15ml	Thuốc xịt mũi	36	TCCS	Hộp 1 lọ 15 ml	VD-22579-15	01
28	Clyodas 300	Clindamycin (dưới dạng Clindamycin hydroclorid) 300mg	Viên nang cứng	36	USP42	Hộp 2 vỉ x 10 viên; Hộp 10 vỉ x 10 viên	VD-21632-14	01
29	Tazopelin 4,5g	Piperacillin (dưới dạng Piperacillin natri) 4g; Tazobactam (dưới dạng tazobactam natri) 0,5g	Thuốc bột pha tiêm	24	CP2015	Hộp 1 lọ; Hộp 10 lọ	VD-20673-14	01

syt_hoabinh_vt_So Y te Hoa Binh 31/03/2020 16:46:04

6. Cơ sở đăng ký: Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang (Địa chỉ: 288 Bis, Nguyễn Văn Cừ, phường An Hòa, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, Việt Nam)

6.1. Cơ sở sản xuất: Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang (Địa chỉ: Lô B2 - B3, Khu công nghiệp Tân Phú Thạnh - Giai đoạn 1, xã Tân Phú Thạnh, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ (tháng)	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký	Lần gia hạn
30	Coperil 4	Perindopril erbumin 4mg	Viên nén	36	TCCS	Hộp 1 túi x 1 vỉ x 30 viên	VD-22039-14	01
31	Hagizin	Flunarizin (Dưới dạng flunarizin hydroclorid) 5mg	Viên nang cứng	36	TCCS	Hộp 10 vỉ x 10 viên	VD-20554-14	01
32	Hamett	Diosmectit 3g	Thuốc bột pha hỗn dịch uống	36	TCCS	Hộp 24 gói x 3,8 g	VD-20555-14	01
33	Hapacol Blue	Paracetamol 500mg	Viên nén bao phim	36	TCCS	Hộp 10 vỉ x 10 viên	VD-20563-14	01
34	Iboten	Trimebutin maleat 100mg	Viên nén	36	TCCS	Hộp 2 vỉ x 10 viên, hộp 10 vỉ x 10 viên	VD-22698-15	01
35	Lipcor 50	Losartan kali 50mg	Viên nén bao phim	36	TCCS	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VD-22369-15	01
36	Mebilax 15	Meloxicam 15mg	Viên nén	36	TCCS	Hộp 2 vỉ x 10 viên	VD-20574-14	01
37	Medskin Clovir 400	Acyclovir 400mg	Viên nén	36	TCCS	Hộp 6 vỉ x 10 viên	VD-22034-14	01
38	Modom's	Domperidon (dưới dạng	Viên nén bao phim	36	TCCS	Hộp 10 vỉ x 10 viên	VD-20579-14	01

		domperidon maleat)10mg						
39	Omeprazol 20	Omeprazol (dưới dạng Omeprazol pellets 8,5% w/w) 20mg	Viên nang chứa vi hạt bao tan trong ruột	36	TCCS	Hộp 2 vỉ x 7 viên, hộp 3 vỉ x 10 viên, chai 150 viên, chai 100 viên	VD-21140-14	01
40	Roxithromycin 150	Roxithromycin 150mg	Viên nén bao phim	36	TCCS	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VD-20582-14	01
41	Spiramycin 0,75M	Spiramycin 750.000 IU	Thuốc bột pha hỗn dịch uống	36	TCCS	Hộp 10 gói x 3 gam, hộp 24 gói x 3 gam	VD-21144-14	01
42	Vastec	Trimetazidin dihydroclorid 20mg	Viên nén bao phim	36	TCCS	Hộp 1 túi x 2 vỉ x 30 viên	VD-20584-14	01

sở_hoabinh_vi_So Y te Hoa Binh_29/12/2020 16:46:04

7. Cơ sở đăng ký: Công ty cổ phần Dược phẩm 2/9 (Địa chỉ: 299/22 Lý Thường Kiệt, Phường 15, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam)

7.1. Cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần Dược phẩm 2/9 (Địa chỉ: 930 C4 đường C, Khu công nghiệp Cát Lái, cụm 2, Phường Thạnh Mỹ Lợi, Quận 2, TP.Hồ Chí Minh, Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ (tháng)	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký	Lần gia hạn
43	Captopril 25mg	Captopril 25mg	Viên nén	36	TCCS	Hộp 2 vỉ x 10 viên; Hộp 10 vỉ x 10 viên	VD-21224-14	01
44	Domperidon	Domperidon (dưới dạng Domperidon maleat) 10mg	Viên nén	36	TCCS	Hộp 10 vỉ bấm x 10 viên; Hộp 10 vỉ xé x 10 viên	VD-22779-15	01

8. Cơ sở đăng ký: Công ty cổ phần Dược phẩm 3/2 (Địa chỉ: 601 Cách Mạng Tháng Tám, phường 15, quận 10, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam)

8.1. Cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần Dược phẩm 3/2 (Địa chỉ: 930 C2, đường C, KCN Cát Lái, Cụm II, phường Thạnh Mỹ Lợi, quận 2, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ (tháng)	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký	Lần gia hạn
45	Colchicine galien	Colchicin 1mg	Viên nén	36	TCCS	Hộp 1 vỉ x 20 viên	VD-22784-15	01

9. Cơ sở đăng ký: Công ty cổ phần Dược phẩm Agimexpharm (Địa chỉ: 27 Nguyễn Thái Học, Phường Mỹ Bình, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang, Việt Nam)

9.1. Cơ sở sản xuất: Chi nhánh công ty cổ phần Dược phẩm Agimexpharm - Nhà máy sản xuất Dược phẩm Agimexpharm (Địa chỉ: Đường Vũ Trọng Phụng, Khóm Thạnh An, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang, Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ (tháng)	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký	Lần gia hạn
46	Ketovazol 2%	Ketoconazol 2%	Kem bôi da	24	TCCS	Hộp 1 tuýp x 5g	VD-18694-13	01
47	Cipostril	Calcipotriol 1,5mg	Thuốc mỡ bôi da	36	TCCS	Hộp 1 tuýp x 30g	VD-20168-13	01
48	Ostagi 70	Acid alendronic (dưới dạng Alendronat natri trihydrat) 70mg	Viên nén	36	TCCS	Hộp 1 vỉ x 2 viên	VD-24709-16	01

syt_hoabinh_vt_So Y te Hoa Binh_30/12/2022 16:46:04

10. Cơ sở đăng ký: Công ty Cổ phần Dược phẩm Ampharco U.S.A (Địa chỉ: Khu công nghiệp Nhơn Trạch 3, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam)

10.1. Cơ sở sản xuất: Công ty Cổ phần Dược phẩm Ampharco U.S.A (Địa chỉ: Khu công nghiệp Nhơn Trạch 3, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ (tháng)	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký	Lần gia hạn
49	Maxxviton 1200	Piracetam 1200mg	Viên nén bao phim	36	TCCS	Hộp 1 vỉ x 10 viên; Hộp 3 vỉ x 10 viên; Hộp 6 vỉ x 10 viên; Hộp 10 vỉ x 10 viên	VD-22806-15	01
50	Sosfever	Ibuprofen 200mg	Viên nang mềm	36	TCCS	Hộp 1 túi x 3 vỉ x 10 viên; Hộp 1 túi x 1 vỉ x 10 viên; Hộp1 túi x 10 vỉ x 10 viên; Hộp 3 túi x 1 vỉ x 10 viên Hộp 10 túi x 1 vỉ x 10 viên	VD-26101-17	01
51	Sosfever fort	Ibuprofen 400mg	Viên nang mềm	36	TCCS	Hộp 1 túi x 3 vỉ x 10 viên; Hộp 1 túi x 1 vỉ x 10 viên; Hộp1 túi x 10 vỉ x 10 viên; Hộp 3 túi x 1 vỉ x 10 viên Hộp 10 túi x 1 vỉ x 10 viên	VD-26102-17	01
52	Usaallerz 180	Fexofenadin hydroclorid 180mg	Viên nén bao phim	36	TCCS	Hộp 1 vỉ x 10 viên; Hộp 3 vỉ x 10 viên; Hộp 10 vỉ x 10 viên	VD-21819-14	01
53	Usaneuro 100	Gabapentin 100mg	Viên nang cứng	36	TCCS	Hộp 1 vỉ x 10 viên; Hộp 3 vỉ x 10 viên;	VD-22442-15	01

						Hộp 10 vỉ x 10 viên		

11. Cơ sở đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm An Thiên (Địa chỉ: 314 Bông Sao, phường 5, quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam)

11.1. Cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm An Thiên (Địa chỉ: Lô C16, Đường số 9, khu công nghiệp Hiệp Phước, Huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam)

syt_hoabinh_vt_So Y te Hoa Binh_01/12/2022 08:46:07

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ (tháng)	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký	Lần gia hạn
54	Adefovir A.T	Adefovir Dipivoxil 10mg	Viên nén	24	TCCS	Hộp 2 vỉ x 10 viên; Hộp 3 vỉ x 10 viên; Hộp 5 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên; Hộp 1 chai 30 viên; Hộp 1 chai 60 viên; Hộp 1 chai 100 viên	QLĐB-571-16	01
55	Febuxotid vk 80	Febuxostat 80mg	Viên nén bao phim	24	TCCS	Hộp 2 vỉ x 10 viên; Hộp 3 vỉ x 10 viên; Hộp 5 vỉ x 10 viên; Hộp 10 vỉ x 10 viên; Hộp 1 chai 30 viên; Hộp 1 chai 60 viên; Hộp 1 chai 100 viên	QLĐB-738-18	01

12. Cơ sở đăng ký: Công ty Cổ phần Dược phẩm Boston Việt Nam (Địa chỉ: Số 43 đường số 8, KCN Việt Nam - Singapore, Phường Bình Hòa, Thành Phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam)

12.1. Cơ sở sản xuất: Công ty Cổ phần Dược phẩm Boston Việt Nam (Địa chỉ: Số 43 đường số 8, KCN Việt Nam - Singapore, Phường Bình Hòa, Thành Phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ (tháng)	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký	Lần gia hạn
56	Effer Bostacet	Paracetamol 325mg; Tramadol hydroclorid 37,5mg	Viên nén sủi bọt	36	TCCS	Hộp 5 vỉ x 4 viên; Hộp 10 vỉ x 4 viên; Hộp 25 vỉ x 4 viên	VD-18258-13	01
57	Ambroxol Boston	Ambroxol HCl 30mg	Viên nén	36	TCCS	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VD-22812-15	01
58	Aronatboston plus	Acid Alendronic (dưới dạng Alendronat natri trihydrat	Viên nén	24	TCCS	Hộp 1 vỉ x 4 viên	VD-19325-13	01

		91,37mg) 70mg; Colecalciferol 100.000IU/g 28mg						
59	Bosagas 40	Telmisartan 40mg	Viên nén	36	TCCS	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VD-21246-14	01
60	Bosagas 80	Telmisartan 80mg	Viên nén	36	TCCS	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VD-21247-14	01
61	Bosgyno	Clotrimazol 100mg	Viên nén	36	TCCS	Hộp 1 vỉ x 6 viên	VD-19852-13	01
62	Bostadin	Loratadin 10mg	Viên nén bao phim	36	TCCS	Hộp 10 vỉ x 10 viên	VD-22815-15	01
63	Paralmax extra	Paracetamol 500mg; Cafein 65mg	Viên nén bao phim	36	TCCS	Hộp 10 vỉ x 12 viên; Hộp 15 vỉ x 12 viên	VD-21248-14	01

13. Cơ sở đăng ký: Công ty cổ phần Dược phẩm Dược liệu Pharmedic (Địa chỉ: 367 Nguyễn Trãi, phường Nguyễn Cư Trinh, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam)

13.1. Cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần Dược phẩm Dược liệu Pharmedic (Địa chỉ: 1/67 Nguyễn Văn Quá, phường Đông Hưng Thuận, quận 12, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ (tháng)	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký	Lần gia hạn
64	Aluminium Phosphat Gel	Mỗi 20g chứa: Nhôm phosphat gel 20% 12,38gam	Hỗn dịch uống	36	TCCS	Hộp 10 gói x 20g	VD-22829-15	01
65	Ofloxacin	Ofloxacin 15mg/5ml	Thuốc nhỏ tai	30	TCCS	Hộp 1 Lọ x 5 ml	VD-20190-13	01
66	Vitamin PP 500	Nicotinamid 500mg	Viên nén	36	TCCS	Hộp 10 vỉ x 10 viên	VD-22831-15	01

14. Cơ sở đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây (Địa chỉ: Số 10A, phố Quang Trung, P. Quang Trung, Q. Hà Đông, TP.Hà Nội, Việt Nam)

14.1. Cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây (Địa chỉ: Tổ dân số số 4, P. La Khê, Q. Hà Đông, Hà Nội, Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ (tháng)	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký	Lần gia hạn
67	Disthyrox	Levothyroxin natri 100µg	Viên nén	24	DĐVN V	Hộp 5 vỉ x 20 viên nén	VD-21846-14	01
68	Novewel 40	Drotaverin hydroclorid 40mg	Viên nang cứng	36	TCCS	Hộp 10 vỉ x 10 viên	VD-24188-16	01

15. Cơ sở đăng ký: Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm (Địa chỉ: Số 04, Đường 30/4, Phường 1, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam)

15.1. Cơ sở sản xuất: Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm (Địa chỉ: Số 04, Đường 30/4, Phường 1, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ (tháng)	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký	Lần gia hạn
69	Acetylcystein 200 mg	Acetylcystein 200mg	Thuốc bột pha hỗn dịch uống	24	TCCS	Hộp 30 gói x 2 g	VD-26163-17	01
70	Vitamin C 500 mg	Vitamin C 500mg	Viên nang cứng	24	TCCS	Chai 200 viên	VD-26171-17	01

16. Cơ sở đăng ký: Công ty Cổ phần Dược phẩm Me Di Sun (Địa chỉ: Số 521, Khu phố An Lợi, Phường Hòa Lợi, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam)

16.1. Cơ sở sản xuất: Công ty Cổ phần Dược phẩm Me Di Sun (Địa chỉ: Số 521, Khu phố An Lợi, Phường Hòa Lợi, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ (tháng)	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký	Lần gia hạn
71	Bambumed 10	Bambuterol HCl 10mg	Viên nén	36	TCCS	Hộp 03 vỉ x 10 viên; Chai 100 viên; Chai 200 viên	VD-22480-15	01
73	Lodirein	Carbocistein 375mg	Viên nang cứng	24	TCCS	Hộp 6 vỉ x 10 viên	VD-23586-15	01

17. Cơ sở đăng ký: Công ty Cổ phần Dược phẩm Nam Hà (Địa chỉ: 415 Hàn Thuyên, phường Vị Xuyên, TP. Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam)

17.1. Cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần Dược phẩm Nam Hà (Địa chỉ: 415 Hàn Thuyên, phường Vị Xuyên, TP. Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ (tháng)	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký	Lần gia hạn
73	Izotren	Isotretinoin 5mg/10g	Kem bôi da	36	TCCS	Hộp 1 tuýp x 10gam	VD-23607-15	01

18. Cơ sở đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm Phong Phú (Địa chỉ: Lô số 12, đường số 8, Khu công nghiệp Tân Tạo, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam)

18.1. Cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm Phong Phú – Chi nhánh nhà máy Usarichpharm (Địa chỉ: Lô số 12, đường số 8, Khu công nghiệp Tân Tạo, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ (tháng)	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký	Lần gia hạn
74	Usalota 10mg	Loratadine 10mg	Viên nén	36	TCCS	Hộp 5 vỉ x 10 viên; Hộp 10 vỉ x 10 viên	VD-22081-15	01

19. Cơ sở đăng ký: Công ty cổ phần Dược phẩm Phương Đông (Địa chỉ: Lô số 7, Đường số 2, Khu công nghiệp Tân Tạo, P. Tân Tạo A, Q. Tân Bình, TP.HCM, Việt Nam)

19.1. Cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần Dược phẩm Phương Đông (Địa chỉ: Lô số 7, Đường số 2, Khu công nghiệp Tân Tạo, P. Tân Tạo A, Q. Tân Bình, TP.HCM, Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ (tháng)	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký	Lần gia hạn
75	Citrolheps 0.25	Calcitriol 0,25µg	Viên nang mềm	36	TCCS	Hộp 3 vỉ x 10 viên; Hộp 6 x 10 viên; Hộp 10 vỉ x 10 viên; Chai 100 viên; Chai 200 viên; Chai 250 viên; Chai 500 viên	VD-19930-13	01

syt_hoabinh_vt_Sở Y tế Hoa Binh_30/12/2022 16:46:04

20. Cơ sở đăng ký: Công ty Cổ phần Dược phẩm SaVi (Địa chỉ: Lô Z01-02-03a, Khu Công nghiệp trong Khu Chế xuất Tân Thuận, Phường TânThuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam)

20.1. Cơ sở sản xuất: Công ty Cổ phần Dược phẩm SaVi (Địa chỉ: Lô Z01-02-03a, Khu Công nghiệp trong Khu Chế xuất Tân Thuận, Phường TânThuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ (tháng)	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký	Lần gia hạn
76	SaVi Bezafibrate 200	Bezafibrat 200mg	Viên nén bao phim	36	BP2018	Hộp 5 vỉ x 10 viên	VD-21893-14	01
77	SaVi Pantoprazole 40	Pantoprazol (dưới dạng Pantoprazol natri sesquihydrat) 40mg	Viên nén bao phim tan trong ruột	36	TCCS	Hộp 2 vỉ x 10 viên	VD-20248-13	01
78	SaViOrli	Orlistat (dưới dạng orlistat vi hạt 50%) 120 mg	Viên nang cứng	24	TCCS	Hộp 5 vỉ x 10 viên	VD-23012-15	01
79	Savispirono-Plus	Spironolacton 50mg; Furosemid 20mg	Viên nén bao phim	36	TCCS	Hộp 2 vỉ x 10 viên	VD-21895-14	01
80	Zidolam SaVi	Zidovudin 300mg; Lamivudin 150mg	Viên nén bao phim	36	TCCS	Hộp 3 vỉ x 10 viên; Hộp 1 Chai x 100 viên	VD-23015-15	01

21. Cơ sở đăng ký: Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenamyd (Địa chỉ: Lô Y01-02A Tân Thuận, KCN/KCX Tân Thuận, P. Tân Thuận Đông, Quận 7,Việt Nam)

21.1. Cơ sở sản xuất: Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenamyd (Địa chỉ: Lô Y01-02A Tân Thuận, KCN/KCX Tân Thuận, P. Tân Thuận Đông, Quận 7,Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ (tháng)	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký	Lần gia hạn
81	Tenamyd-Ceftazidime 500	Ceftazidim (dưới dạng Ceftazidim	Thuốc bột pha tiêm	24	TCCS	Hộp 1 lọ; Hộp 10 lọ	VD-19444-13	01

		pentahydrat) 500mg						
82	Tenafathin 500	Cefalothin (dưới dạng Cefalothin natri) 500mg	Thuốc bột pha tiêm	36	USP 41	Hộp 1 lọ; Hộp 10 lọ	VD-23018-15	01
83	Tenafotin 2000	Cefoxitin (dưới dạng Cefoxitin natri) 2000mg	Thuốc bột pha tiêm	36	USP 41	Hộp 01 lọ; Hộp 10 lọ	VD-23020-15	01
84	Tenamyd-Ceftazidime 1000	Ceftazidim (dưới dạng Ceftazidim pentahydrat) 1g	Thuốc bột pha tiêm	24	TCCS	Hộp 1 lọ; Hộp 10 lọ	VD-19447-13	01
85	Tenamyd-Ceftazidime 2000	Ceftazidim (dưới dạng Ceftazidim pentahydrat) 2000mg	Thuốc bột pha tiêm	24	TCCS	Hộp 1 lọ; Hộp 10 lọ	VD-19448-13	01

22. Cơ sở đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm TV.Pharm (Địa chỉ: 27 Nguyễn Chí Thanh, Khóm 2, phường 9, TP. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh, Việt Nam)

22.1. Cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm TV.Pharm (Địa chỉ: 27 Nguyễn Chí Thanh, Khóm 2, phường 9, TP. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh, Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ (tháng)	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký	Lần gia hạn
86	Telmisartan 80	Telmisartan 80mg	Viên nén	36	TCCS	Hộp 3 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên, Hộp 4 vỉ x 07 viên	VD-20873-14	01

23. Cơ sở đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm TW 25 (Địa chỉ: 448B Nguyễn Tất Thành, phường 18, quận 4, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam)

23.1. Cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm TW 25 (Địa chỉ: 448B Nguyễn Tất Thành, phường 18, quận 4, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ (tháng)	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký	Lần gia hạn
87	Cefaclor 250mg	Cefaclor (dưới dạng Cefaclor monohydrat) 250mg	Viên nang cứng	36	TCCS	Hộp 1 vỉ x 12 viên; Hộp 5 vỉ x 12 viên; Hộp 1 vỉ x 10 viên; Hộp 10 vỉ x 10 viên	VD-19047-13	01

24. Cơ sở đăng ký: Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 2 (Địa chỉ: Số 9 Trần Thánh Tông, P. Bạch Đằng, Q. Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội, Việt Nam)

24.1. Cơ sở sản xuất: Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 2 (Địa chỉ: Lô 27 Khu công nghiệp

Quang Minh, TT Quang Minh, huyện Mê Linh, TP. Hà Nội, Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ (tháng)	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký	Lần gia hạn
88	Cefazolin 1g	Cefazolin (dưới dạng cefazolin natri) 1g	Thuốc bột pha tiêm	24	DĐVN IV	Hộp 1 lọ; Hộp 10 lọ	VD-20836-14	01
89	Bidva	Cefadroxil (dưới dạng Cefadroxil monohydrat) 500mg	Viên nén bao phim	36	DĐVN hiện hành	Hộp 10 vỉ x 10 viên; Lọ 50 viên	VD-23680-15	01
90	Gentamycin 80 mg/2 ml	Gentamycin 80mg/2 ml	Dung dịch tiêm	36	DĐVN hiện hành	Hộp 10 ống; Hộp 50 ống; Hộp 100 ống x 2 ml	VD-18631-13	01
91	Synapain 75	Pregabalin 75mg	Viên nén bao phim	36	TCCS	Hộp 3 vỉ x 10 viên; Hộp 10 vỉ x 10 viên	VD-23685-15	01
92	Topsea - F	Paracetamol 500mg; Cafein 65mg	Viên nén bao phim	36	TCCS	Hộp 20 vỉ x 6 viên	VD-21908-14	01
93	Tovecor plus	Perindopril arginin 5mg; Indapamid 1,25mg	Viên nén bao phim	36	TCCS	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VD-26298-17	01
94	Vifamox-F1000	Amoxicilin (dưới dạng amoxicillin trihydrat) 1000mg	Viên nén bao phim	36	TCCS	Hộp 10 vỉ x 10 viên	VD-19036-13	01

25. Cơ sở đăng ký: Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương I - Pharbaco (Địa chỉ: 160 Tôn Đức Thắng, phường Hàng Bột, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam)

25.1. Cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương I - Pharbaco (Địa chỉ: Thôn Thạch Lỗi, xã Thanh Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội, Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ (tháng)	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký	Lần gia hạn
95	Canxi SBK 50	Mỗi ống 1ml chứa Calcitonin salmon 50đvqt	Dung dịch tiêm	36	TCCS	Hộp 1 vỉ x 5 ống	VD-19944-13	01
96	Lyris 1g	Cefoxitin (dưới dạng Cefoxitin natri) 1000mg	Bột pha tiêm	36	TCCS	Hộp 10 lọ	VD-19467-13	01

26. Cơ sở đăng ký: Công ty Cổ phần Dược phẩm và sinh học y tế (MEBIPHAR JSC) (Địa chỉ: 31 Ngô Thời Nhiệm, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam)

26.1. Cơ sở sản xuất: Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế (Địa chỉ: Lô III-18, đường số 13, KCN Tân Bình, P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ (tháng)	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký	Lần gia hạn
97	Liciril	Meclofenoxat hydroclorid 250mg	Viên nén bao phim	36	TCCS	Hộp 02 vỉ x 10 viên	VD-23373-15	01
98	Metalam 50	Diclofenac kali 50mg	Viên nén bao đường	36	TCCS	Hộp 01 vỉ x 10 viên	VD-21545-14	01

27. Cơ sở đăng ký: Công ty cổ phần Dược Trung ương Mediplantex (Địa chỉ: 358 đường Giải Phóng, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam)

27.1. Cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần Dược Trung ương Mediplantex (Địa chỉ: Nhà máy dược phẩm số 2: Thôn Trung Hậu, xã Tiền Phong, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội, Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ (tháng)	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký	Lần gia hạn
99	Roscef	Cetirizin hydroclorid 10mg	Viên nén bao phim	36	TCCS	Hộp 10 vỉ x 10 viên	VD-18788-13	01

28. Cơ sở đăng ký: Công ty cổ phần Dược Vacopharm (Địa chỉ: 59 Nguyễn Huệ, phường 1, thành phố Tân An, Tỉnh Long An, Việt Nam)

28.1. Cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần Dược Vacopharm (Địa chỉ: Km 1954, Quốc lộ 1A, Phường Tân Khánh, Thành phố Tân An, Tỉnh Long An, Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ (tháng)	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký	Lần gia hạn
100	Ibuprofen 400	Ibuprofen 400mg	Viên nén bao phim	24	TCCS	Hộp 10 vỉ x 10 viên; Hộp 20 vỉ x 10 viên; Hộp 50 vỉ x 10 viên Hộp 100 vỉ x 10 viên; Hộp 5 vỉ x 20 viên; Hộp 10 vỉ x 20 viên; Hộp 25 vỉ x 20 viên; Hộp 50 vỉ x 20 viên;Chai 100 viên, 200 viên, 300 viên, 500 viên, 1000 viên	VD-23112-15	01
101	Metronidazol 250	Metronidazol 250mg	Viên nén bao phim	36	TCCS	Hộp 10 vỉ x 10 viên; Hộp 20 vỉ x 10 viên; Hộp 50 vỉ x 10 viên; Hộp 100 vỉ x 10 viên;Hộp 4 vỉ x 25 viên;	VD-23747-15	01

						Hộp 10 vỉ x 25 viên; Hộp 20 vỉ x 25 viên; Hộp 40 vỉ x 25 viên; Hộp 50 vỉ x 25 viên; Chai 100 viên; Chai 200 viên; Chai 300 viên; Chai 500 viên; Chai 1000 viên		
102	Vaco Loratadine	Loratadin 10mg	Viên nén bao phim	24	TCCS	'Hộp 10 vỉ x 10 viên; Hộp 20 vỉ x 10 viên; Hộp 50 vỉ x 10 viên; Hộp 100 vỉ x 10 viên; Hộp 5 vỉ x 20 viên; Hộp 10 vỉ x 20 viên; Hộp 25 vỉ x 20 viên; Hộp 50 vỉ x 20 viên; Hộp 10 vỉ x 15 viên; Hộp 20 vỉ x 15 viên; Hộp 50 vỉ x 15 viên; Hộp 100 vỉ x 15 viên; Chai 100 viên; Chai 200 viên; Chai 250 viên; Chai 500 viên; Chai 1000 viên	VD-23115-15	01

syt_hoabinh_vt_So Y te Hoa Binh_30/12/2022 16:46:04

29. Cơ sở đăng ký: Công ty cổ phần Dược VTYT Hải Dương (Địa chỉ: Số 102, phố Chi Lăng, phường Nguyễn Trãi, TP. Hải Dương, tỉnh Hải Dương, Việt Nam)

29.1. Cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần Dược VTYT Hải Dương (Địa chỉ: Số 102, phố Chi Lăng, phường Nguyễn Trãi, TP. Hải Dương, tỉnh Hải Dương, Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ (tháng)	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký	Lần gia hạn
103	Nước cất tiêm	Nước để pha thuốc tiêm	Dung môi pha tiêm	36	DĐVN V	Hộp 10 ống; Hộp	VD-18797-13	01

		10ml				20 ống; Hộp 50 ống x 10ml		

30. Cơ sở đăng ký: Công ty cổ phần Euvipharm (Địa chỉ: Ấp Bình Tiền 2, xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, Việt Nam)

30.1. Cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần Euvipharm (Địa chỉ: Ấp Bình Tiền 2, xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ (tháng)	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký	Lần gia hạn
104	Acefalgan 150	Paracetamol 150mg	Cốm sủi bọt	36	TCCS	Hộp 20 gói x 1,5 gam	VD-23527-15	01

31. Cơ sở đăng ký: Công ty Cổ phần Hóa-Dược phẩm Mekophar (Địa chỉ: 297/5 Lý Thường Kiệt, Phường 15, Quận 11, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam)

32.1. Cơ sở sản xuất: Công ty Cổ phần Hóa-Dược phẩm Mekophar (Địa chỉ: 297/5 Lý Thường Kiệt, Phường 15, Quận 11, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ (tháng)	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký	Lần gia hạn
105	Heptaminol	Heptaminol hydrochloride 187,8mg	Viên nén	36	TCCS	Hộp 2 vỉ x 10 viên	VD-23802-15	01
106	Tetracycline 500mg	Tetracycline hydrochloride 500mg	Viên nang cứng	24	DĐVN V	Hộp 10 vỉ x 10 viên	VD-22279-15	01

32. Cơ sở đăng ký: Công ty cổ phần Korea United Pharm Int'l (Địa chỉ: Số 2A, Đại lộ Tự Do, Khu công nghiệp Việt Nam -Singapore, phường Thuận Giao, Tp Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam)

32.1. Cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần Korea United Pharm Int'l (Địa chỉ: Số 2A, Đại lộ Tự Do, Khu công nghiệp Việt Nam -Singapore, phường Thuận Giao, Tp Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ (tháng)	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký	Lần gia hạn
107	Carvedol 6.25	Carvedilol 6,25mg	Viên nén	36	TCCS	Hộp 10 vỉ x 10 viên	VD-24416-16	01

33. Cơ sở đăng ký: Công ty Cổ phần Pymepharco (Địa chỉ: 166 – 170 Nguyễn Huệ, Tp. Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam)

33.1. Cơ sở sản xuất: Công ty Cổ phần Pymepharco (Địa chỉ: 166 – 170 Nguyễn Huệ, Tp. Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ (tháng)	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký	Lần gia hạn
108	Tatanol 150mg	Acetaminophen 150mg	Thuốc cốm pha dung dịch uống	36	TCCS	Hộp 12 gói; Hộp 25 gói; Hộp 30 gói	VD-23860-15	01
109	Fegra 180	Fexofenadin hydrochlorid 180mg	Viên nén bao phim	36	TCCS	Hộp 01 vỉ x 10 viên	VD-20324-13	01

110	Tatanol 80mg	Acetaminophen 80mg	Thuốc cốm pha dung dịch uống	36	TCCS	Hộp 12 gói; Hộp 25 gói; Hộp 30 gói x 0,5g	VD-23228-15	01

33.2. Cơ sở sản xuất: Nhà máy Stada Việt Nam (Địa chỉ: 189 Hoàng Văn Thụ, Phường 9, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ (tháng)	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký	Lần gia hạn
111	Paracetamol STADA 250 mg	Paracetamol 250mg	Thuốc cốm pha dung dịch uống	36	TCCS	Hộp 12 gói x 1g; Hộp 25 gói x 1g; Hộp 30 gói x 1g	VD-23227-15	01

34. Cơ sở đăng ký: Công ty cổ phần thương mại Dược phẩm Quang Minh (Địa chỉ: 4A lò Lu, Phường Trường Thạnh. Quận 9. TP HCM, Việt Nam)

34.1. Cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần thương mại Dược phẩm Quang Minh (Địa chỉ: 4A lò Lu, Phường Trường Thạnh. Quận 9. TP HCM, Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ (tháng)	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký	Lần gia hạn
112	Up-Misa	Acid ascorbic 1000mg	Viên nén sủi bọt	24	TCCS	Hộp 1 tuýp x 10 viên	VD-23248-15	01

35. Cơ sở đăng ký: Công ty Cổ phần US Pharma USA (Địa chỉ: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh, Việt Nam)

35.1. Cơ sở sản xuất: Công ty Cổ phần US Pharma USA (Địa chỉ: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh, Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ (tháng)	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký	Lần gia hạn
113	Cinnarizin	Cinnarizin 25mg	Viên nén	36	TCCS	Hộp 3 vỉ x 10 viên; Hộp 10 vỉ x 10 viên	VD-19236-13	01
114	Cadifagyn	Metronidazol 250mg	Viên nén bao phim	36	TCCS	Hộp 2 vỉ x 10 viên; Hộp 3 vỉ x 10 viên; Hộp 10 vỉ x 10 viên	VD-24049-15	01

36. Cơ sở đăng ký: Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Domesco (Địa chỉ: Số 66, Quốc lộ 30, Phường Mỹ Phú, Thành phố Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam)

36.1. Cơ sở sản xuất: Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Domesco (Địa chỉ: Số 66, Quốc lộ 30, Phường Mỹ Phú, Thành phố Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ (tháng)	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký	Lần gia hạn
115	Dopivix 75	Clopidogrel	Viên nén	36	TCCS	Hộp 2 vỉ x	VD-21023-14	01

	mg	(dưới dạng Clopidogrel bisulfat) 75mg	bao phim			7 viên; Hộp 4 vỉ x 7 viên; Hộp 10 vỉ x 7 viên; Hộp 1 vỉ x 14 viên; Hộp 10 vỉ x 14 viên		
116	Dotorin	Captopril 25mg	Viên nén	48	TCCS	Hộp 1 vỉ x 10 viên; Hộp 10 vỉ x 10 viên	VD-20516-14	01
117	Dozar 50mg	Losartan kali 50mg	Viên nén bao phim	36	TCCS	Hộp 1 vỉ x 10 viên; Hộp 2 vỉ x 10 viên; Hộp 3 vỉ x 10 viên; Hộp 10 vỉ x 10 viên	VD-24487-16	01
118	Dozidine MR 35mg	Trimetazidin dihydroclorid 35mg	Viên nén bao phim phóng thích chậm	36	TCCS	Hộp 6 vỉ x 10 viên	VD-22629-15	01
119	Gaberon	Gabapentin 300mg	Viên nang cứng	36	TCCS	Hộp 5 vỉ x 10 viên; Hộp 10 vỉ x 10 viên; Chai 100 viên	VD-19634-13	01

syt_hoabinh_vt_So Y te Hoa Binh 29/12/2022 16:46:04

37. Cơ sở đăng ký: Công ty Cổ phần SPM (Địa chỉ: Lô 51, Đường số 2, Khu Công Nghiệp Tân Tạo, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam)

37.1. Cơ sở sản xuất: Công ty Cổ phần SPM (Địa chỉ: Lô 51, Đường số 2, Khu Công Nghiệp Tân Tạo, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ (tháng)	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký	Lần gia hạn
120	Acitys	Acetylcystein 200mg	Thuốc bột uống	36	TCCS	Hộp 10 gói; Hộp 30 gói	VD-18820-13	01

38. Cơ sở đăng ký: Công ty CPDP Đạt Vi Phú (Địa chỉ: Lô M7A, Đường D17, Khu Công nghiệp Mỹ Phước 1, Phường Thới Hòa, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.)

38.1. Cơ sở sản xuất: Công ty CPDP Đạt Vi Phú (Địa chỉ: Lô M7A, Đường D17, Khu Công nghiệp Mỹ Phước 1, Phường Thới Hòa, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ (tháng)	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký	Lần gia hạn
121	Ezvasten	Atorvastatin (dưới dạng Atorvastatin	Viên nén bao phim	36	TCCS	Hộp 4 vỉ x 7 viên	VD-19657-13	01

		calci) 20mg; Ezetimibe 10mg						
122	Hornol	Cytidin monophosphat disodium 5mg; Uridin monophosphat disodium 3mg	Viên nang	36	TCCS	Hộp 3 vỉ x 10 viên; Hộp 9 vỉ x 10 viên	VD-16719-12	01
123	L-tyrox 100	Levothyroxin natri 100µg	Viên nén	36	TCCS	Hộp 10 vỉ x 10 viên	VD-21756-14	01
124	Vaslor 10	Atorvastatin (dưới dạng Atorvastatin calci) 10mg	Viên nén bao phim	36	TCCS	Hộp 4 vỉ x 7 viên; Hộp 10 vỉ x 10 viên	VD-19671-13	01

39. Cơ sở đăng ký: Công ty Cổ phần dược phẩm OPV (Địa chỉ: Số 27, Đường 3A, Khu Công Nghiệp Biên Hòa II, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam)

39.1. Cơ sở sản xuất: Công ty Cổ phần dược phẩm OPV (Địa chỉ: Số 27, Đường 3A, Khu Công Nghiệp Biên Hòa II, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ (tháng)	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký	Lần gia hạn
125	Spamoin 200	Trimebutine maleate 200mg	Viên nén bao phim	36	TCCS	Hộp 2 vỉ x 10 viên	VD-26229-17	01
126	Metozamin 850	Metformin hydroclorid 850mg	Viên nén bao phim	36	TCCS	Hộp 1 vỉ x 10 viên; Hộp 2 vỉ x 10 viên; Hộp 10 vỉ x 10 viên	VD-22199-15	01

40. Cơ sở đăng ký: Công ty Cổ phần dược phẩm Sao Kim (Địa chỉ: KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, TP. Hà Nội, Việt Nam)

40.1. Cơ sở sản xuất: Công ty Cổ phần dược phẩm Sao Kim (Địa chỉ: KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, TP. Hà Nội, Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ (tháng)	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký	Lần gia hạn
127	Cetirizine SK	Cetirizin dihydroclorid 10mg	Viên nén bao phim	36	TCCS	Hộp 10 vỉ x 10 viên	VD-22509-15	01
128	Co-Lutem	Artemether 20mg; Lumefantrin 120mg	Viên nén	24	TCCS	Hộp 3 vỉ x 8 viên; Hộp 1 vỉ x 6 viên; Hộp 2 vỉ x 6 viên; Hộp 3 vỉ x 6 viên	VD-23649-15	01
129	Gesicox	Meloxicam 7,5mg	Viên nén	36	TCCS	Hộp 2 vỉ x 10 viên	VD-20246-13	01

41. Cơ sở đăng ký: Công ty Cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc (Địa chỉ: Số 777, đường Mê Linh,

phường Khai Quang, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam)

41.1. Cơ sở sản xuất: Công ty Cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc (Địa chỉ: Thôn Mậu Thông, P. Khai Quang, TP. Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ (tháng)	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký	Lần gia hạn
130	Cammic	Acid tranexamic 500mg	Viên nén bao phim	36	BP2018	Hộp 10 vỉ x 10 viên	VD-17592-12	01
131	Nelcin 100	Netilmicin (dưới dạng Netilmicin sulfat) 100mg/2ml	Dung dịch tiêm	36	USP42	Hộp 2 vỉ x 5 ống x 2ml; Hộp 1 vỉ x 10 ống x 2ml; Hộp 5 vỉ x 10 ống x 2ml	VD-20891-14	01
132	Vinpecine	Pefloxacin (dưới dạng Pefloxacin mesylat) 400mg/5ml	Dung dịch tiêm	36	TCCS	Hộp 5 ống x 5 ml	VD-19989-13	01
133	Vinphaxicam	Meloxicam 7,5mg	Viên nén	36	DĐVN V	Hộp 10 vỉ x 10 viên	VD-16309-12	01

syt_hoabinh_vt_So Y te Hoa Binh 09/2/2026 10:46:04

42. Cơ sở đăng ký: Công ty Liên doanh Meyer-BPC (Địa chỉ: Số 6A3, quốc lộ 60, phường Phú Tân, Tp. Bến Tre, tỉnh Bến Tre, Việt Nam)

42.1. Cơ sở sản xuất: Công ty Liên doanh Meyer-BPC (Địa chỉ: Số 6A3, quốc lộ 60, phường Phú Tân, Tp. Bến Tre, tỉnh Bến Tre, Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ (tháng)	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký	Lần gia hạn
134	Becocystein	Acetylcystein 200mg	Viên nang cứng	36	TCCS	Hộp 10 vỉ x 10 Viên	VD-22632-15	01

43. Cơ sở đăng ký: Công ty TNHH Dược phẩm Glomed (Địa chỉ: Số 35 Đại Lộ Tự do, KCN Việt Nam-Singapore, P. An Phú, TP. Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam)

43.1. Cơ sở sản xuất: Công ty TNHH Dược phẩm Glomed (Địa chỉ: Số 35 Đại Lộ Tự do, KCN Việt Nam-Singapore, P. An Phú, TP. Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ (tháng)	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký	Lần gia hạn
135	Ciclevir 800	Aciclovir 800mg	Viên nén	36	USP hiện hành	Hộp 3 vỉ x 10 viên; Hộp 5 vỉ x 10 viên; Hộp 5 vỉ x 5 viên; Hộp 10 vỉ x 5 viên	VD-21835-14	01
136	Abioval-HCTZ	Valsartan 160mg; Hydroclorothiazid	Viên nén bao phim	36	TCCS	Hộp 3 vỉ x 10 viên,	VD-22456-15	01

	160/12.5	12,5mg				Hộp 2 vỉ x 14 viên; Hộp 10 vỉ x 10 viên		
137	Abioval-HCTZ 160/25	Valsartan 160mg; Hydroclorothiazid 25mg	Viên nén bao phim	36	TCCS	Hộp 3 vỉ x 10 viên; Hộp 2 vỉ x 14 viên; Hộp 10 vỉ x 10 viên	VD-22133-15	01
138	Ciclevir 400	Aciclovir 400mg	Viên nén	36	USP hiện hành	Hộp 3 vỉ x 10 viên; Hộp 7 vỉ x 10 viên; Hộp 5 x 5 viên; Hộp 10 vỉ x 5 viên	VD-21834-14	01
139	Daygra 100	Sildenafil (dưới dạng Sildenafil citrat) 100mg	Viên nén bao phim	48	TCCS	Hộp 1 vỉ x 4 viên	VD-24759-16	01
140	Glodafil 5	Tadalafil 5mg	Viên nén bao phim	36	TCCS	Hộp 1 vỉ x 10 viên; Hộp 3 vỉ x 10 viên; Hộp 5 vỉ x 4 viên	VD-21276-14	01
141	Glotadol 250	Paracetamol 250mg	Bột pha hỗn dịch uống	36	TCCS	Hộp 12 gói x 2,5 gam; Hộp 20 gói x 2,5 gam	VD-22459-15	01
142	Hexinvon 8	Bromhexin hydroclorid 8 mg	Viên nén	36	TCCS	Hộp 5 vỉ x 10 viên; Hộp 10 vỉ x 10 viên	VD-23543-15	01
143	Magne-B6 Glomed	Magnesi lactat dihydrat 470mg; Pyridoxin hydroclorid 5mg	Viên nén bao phim	36	TCCS	Hộp 10 vỉ x 10 viên	VD-23544-15	01
144	Mydsone	Eperison hydroclorid 50mg	Viên nén bao phim	36	TCCS	Hộp 3 vỉ x 10 viên; Hộp 10 vỉ x 10 Viên	VD-22141-15	01
145	Sulrimed 50	Sulpirid 50mg	Viên nang cứng	36	TCCS	Hộp 3 vỉ x 10 viên, Hộp 5 vỉ x 10 viên	VD-22460-15	01
146	Tenecand 8	Candesartan cilexetil 8mg	Viên nén	36	JP XVII	Hộp 3 vỉ x 10 viên; hộp 10 vỉ x 10 viên	VD-22862-15	01
147	Zedolid	Linezolid 600mg	Viên nén bao phim	36	TCCS	Hộp 1 vỉ x 10 Viên	VD-22863-15	01
148	Zolmed	Fluconazol 150mg	Viên nang	36	TCCS	Hộp 1 vỉ x	VD-20723-14	01

syt_hoabinh_vt_So Y te Hoa Binh_30/12/2022 14:46:04

	150		cứng			10 viên; Hộp 10 vỉ x 10 viên		

44. Cơ sở đăng ký: Công ty TNHH dược phẩm Shinpoong Daewoo (Địa chỉ: Số 13, đường 9A, KCN. Biên Hòa II, TP. Biên Hòa, Đồng Nai, Việt Nam)

44.1. Cơ sở sản xuất: Công ty TNHH dược phẩm Shinpoong Daewoo (Địa chỉ: Số 13, đường 9A, KCN. Biên Hòa II, TP. Biên Hòa, Đồng Nai, Việt Nam)

svt_hoabinh_vt_So Y te Hoa Binh_01/08/2022 10:45:04

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ (tháng)	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký	Lần gia hạn
149	Alzental	Albendazol 400mg	Viên nén bao phim	60	USP 41	Hộp 1 vỉ x 1 viên; Hộp 1 chai x 100 viên; Hộp 1 vỉ x 2 viên; Hộp 1 vỉ x 4 viên; Hộp 2 vỉ x 2 viên; Hộp 5 vỉ x 1 viên; Hộp 10 vỉ x 1 viên	VD-18522-13	01
150	Shinpoong Fugacin	Ofloxacin 200mg	Viên nén bao phim	36	USP 32	Hộp 10 vỉ x 10 viên	VD-21079-14	01
151	Splostal	Cilostazol 100mg	Viên nén	36	USP 43	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VD-20367-13	01

45. Cơ sở đăng ký: Công ty TNHH Dược phẩm USA-NIC (Địa chỉ: Lô 11D, đường C, Khu công nghiệp Tân Tạo, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, TPHCM, Việt Nam)

45.1. Cơ sở sản xuất: Công ty TNHH Dược phẩm USA-NIC (Địa chỉ: Lô 11D, đường C, Khu công nghiệp Tân Tạo, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, TPHCM, Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ (tháng)	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký	Lần gia hạn
152	Idilax Extra	Acid mefenamic 500mg	Viên nén bao phim	36	TCCS	Hộp 10 vỉ x 10 viên; Hộp 20 vỉ x 10 viên; Chai 100 viên; Chai 200 viên; Chai 500 viên	VD-21087-14	01
153	Vitamin C 1000mg	Vitamin C 1000mg	Viên nén sủi bọt	24	TCCS	Hộp 1 tuýp x 10 viên	VD-23323-15	01

46. Cơ sở đăng ký: Công ty TNHH Hasan - Dermapharm (Địa chỉ: Đường số 2, KCN Đồng An, Bình Hòa, Thuận An, Bình Dương, Việt Nam)

46.1. Cơ sở sản xuất: Công ty TNHH Hasan - Dermapharm (Địa chỉ: Đường số 2, KCN Đồng An,

Bình Hòa, Thuận An, Bình Dương, Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ (tháng)	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký	Lần gia hạn
154	DH-Metglu XR 1000	Metformin hydroclorid 1000mg	Viên nén phóng thích kéo dài	36	BP 2019	Hộp 05 vỉ x 10 viên; Hộp 10 vỉ x 10 viên	VD-27507-17	01
155	Atorhasan 10	Atorvastatin (dưới dạng Atorvastatin calci trihydrat) 10mg	Viên nén bao phim	36	TCCS	Hộp 03 vỉ x 10 viên;Hộp 10 vỉ x 10 viên	VD-23327-15	01

47. Cơ sở đăng ký: Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm (Địa chỉ: K63/1 Nguyễn Thị Sóc, Ấp Mỹ Hòa 2, Xã Xuân Thới Đông, Huyện Hóc Môn, Tp.Hồ Chí Minh, Việt Nam)

47.1. Cơ sở sản xuất: Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm (Địa chỉ: K63/1 Nguyễn Thị Sóc, Ấp Mỹ Hòa 2, Xã Xuân Thới Đông, Huyện Hóc Môn, Tp.Hồ Chí Minh, Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ (tháng)	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký	Lần gia hạn
156	Novofungin 500	Metronidazole 500mg	Viên nén bao phim	36	DĐVN V	Hộp 2 vỉ x 10 viên	VD-23989-15	01
157	Stadmazol 100	Clotrimazole 100mg	Viên nén đặt âm đạo	24	BP 2020	Hộp 1 vỉ x 6 viên	VD-24576-16	01

47.2. Cơ sở sản xuất: Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm – Chi nhánh 1 (Địa chỉ: Số 40 đại lộ Tự Do, Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore, Phường An Phú,Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam, Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ (tháng)	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký	Lần gia hạn
158	Asthmatin 10	Montelukast (dưới dạng montelukast sodium 10,4mg) 10mg	Viên nén bao phim	24	TCCS	Hộp 1 vỉ x 7 viên; Hộp 2 vỉ x 7 viên; Hộp 3 vỉ x 10 viên; Hộp 1 Chai x 28 viên	VD-26555-17	01
159	Gemfibstad 300	Gemfibrozil 300mg	Viên nang cứng	24	USP 42	Hộp 6 vỉ x 10 viên; Hộp 10 vỉ x 10 viên	VD-24561-16	01
160	Glimepiride STELLA 2 mg	Glimepiride 2mg	Viên nén	24	TCCS	Hộp 3 vỉ x 10 viên; Hộp 6 vỉ x 10 viên	VD-24575-16	01
161	Ibuprofen STELLA 400 mg	Ibuprofen 400mg	Viên nén bao phim	36	TCCS	Hộp 2 vỉ x 10 viên; Hộp 10 vỉ x 10 viên; Hộp 1	VD-22681-15	01

						Chai x 100 viên		
162	Lostad HCT 50/12.5	Losartan potassium 50mg; Hydrochlorothiazide 12,5mg	Viên nén bao phim	36	TCCS	Hộp 3 vỉ x 10 viên; Hộp 6 vỉ x 10 viên; Hộp 1 chai x 100 viên	VD-24567-16	01
163	Lostad T100	Losartan potassium 100mg	Viên nén bao phim	36	TCCS	Hộp 3 vỉ x 10 viên; Hộp 2 vỉ x 15 viên	VD-23973-15	01
164	Lostad T12.5	Losartan potassium 12,5mg	Viên nén bao phim	36	TCCS	Hộp 3 vỉ x 10 viên; Hộp 10 vỉ x 10 viên	VD-23974-15	01
165	Metformin STELLA 850 mg	Metformin hydrochloride 850mg	Viên nén bao phim	36	TCCS	Hộp 4 vỉ x 15 viên; Hộp 6 vỉ x 15 viên	VD-26565-17	01
166	Myopain 150	Tolperisone hydrochloride 150mg	Viên nén bao phim	36	TCCS	Hộp 3 vỉ x 10 viên; Hộp 5 vỉ x 10 viên	VD-20084-13	01
167	Partamol 80	Paracetamol 80mg	Thuốc cốm sủi bọt	24	TCCS	Hộp 10 gói x 1g; Hộp 20 gói x 1g	VD-23977-15	01

48. Cơ sở đăng ký: Công ty TNHH Reliv Pharma (Địa chỉ: 410/9 Tân Phú, Khu Mỹ Gia 1, phường Tân Phú, Quận 7, TP.HCM, Việt Nam)

48.1. Cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2 (Địa chỉ: Lô 27 Khu công nghiệp Quang Minh, TT Quang Minh, huyện Mê Linh, TP. Hà Nội, Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ (tháng)	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký	Lần gia hạn
168	Victoz 0.5g	Hỗn hợp vô khuẩn của Meropenem trihydrat và natri carbonat (685,9mg) tương đươngvới Meropenem 500mg	Thuốc bột pha tiêm	36	TCCS	Hộp 1 lọ; Hộp 10 lọ	VD-24030-15	01

49. Cơ sở đăng ký: Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dược phẩm Thành Nam (Địa chỉ: 3A Đặng Tất, Phường Tân Định, Quận 1, Tp.HCM, Việt Nam)

49.1. Cơ sở sản xuất: Chi nhánh Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dược phẩm Thành Nam tại Bình Dương (Địa chỉ: 60 Đại lộ Độc Lập, KCN Việt Nam-Singapore, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ (tháng)	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký	Lần gia hạn
169	Ambroxol	Ambroxol HCl 30mg	Viên nang cứng	36	TCCS	Hộp 10 vỉ x 10 viên; Lọ 100 viên	VD-24040-15	01
170	Vaslaselli	Trimetazidin dihydroclorid 20mg	Viên nén bao phim	36	TCCS	Hộp 2 vỉ x 30 viên	VD-23412-15	01

50. Cơ sở đăng ký: Công ty TNHH Thai Nakorn Patana Việt Nam (Địa chỉ: 636 Nguyễn Tất Thành, Phường 9, TP Tuy Hòa, Tình Phú Yên, Việt Nam)

50.1. Cơ sở sản xuất: Công ty TNHH Thai Nakorn Patana Việt Nam (Địa chỉ: 636 Nguyễn Tất Thành, Phường 9, TP Tuy Hòa, Tình Phú Yên, Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ (tháng)	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký	Lần gia hạn
171	Tiffy Dey	Paracetamol 500mg; Chlorpheniramin maleat 2mg; Phenylephrin HCl 10mg	Viên nén	60	TCCS	Hộp 25 vỉ x 4 viên	VD-19229-13	01

51. Cơ sở đăng ký: Công ty TNHH United International Pharma (Địa chỉ: Số 16 VSIP II, đường số 7, khu công nghiệp Việt Nam - Singapore II, khu liên hợp công nghiệp - dịch vụ - đô thị Bình Dương, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam)

51.1. Cơ sở sản xuất: Công ty TNHH United International Pharma (Địa chỉ: Số 16 VSIP II, đường số 7, khu công nghiệp Việt Nam - Singapore II, khu liên hợp công nghiệp - dịch vụ - đô thị Bình Dương, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ (tháng)	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký	Lần gia hạn
172	Fenoflex	Fenofibrate 160mg	Viên nén bao phim	24	TCCS	Hộp 1 vỉ x 10 viên; Hộp 3 vỉ x 10 viên	VD-21574-14	01

Phụ lục II
DANH MỤC 07 THUỐC SẢN XUẤT TRONG NƯỚC ĐƯỢC GIA HẠN GIẤY ĐĂNG KÝ LƯU HÀNH TẠI VIỆT NAM HIỆU LỰC 03 NĂM - ĐỢT 182

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 854..../QĐ-QLD ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Cục Quản lý Dược)

syt_hoabinh_vt_So Y te Hoa Binh 30/12/2022 10:46:0

1. Cơ sở đăng ký: Công ty Cổ phần Dược phẩm Ampharco U.S.A (Địa chỉ: Khu công nghiệp Nhơn Trạch 3, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam)

1.1. Cơ sở sản xuất: Công ty Cổ phần Dược phẩm Ampharco U.S.A (Địa chỉ: Khu công nghiệp Nhơn Trạch 3, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ (tháng)	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký	Lần gia hạn
1	Maxxtrude	Tenofovir disoproxil fumarat 300mg; Emtricitabin 200mg	Viên nén bao phim	24	TCCS	Hộp 1 vỉ, Hộp 3 vỉ, Hộp 10 vỉ, vỉ 10 viên	QLĐB-597-17	01

2. Cơ sở đăng ký: Công ty Cổ phần Dược phẩm Me Di Sun (Địa chỉ: Số 521, Khu phố An Lợi, Phường Hòa Lợi, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam)

2.1. Cơ sở sản xuất: Công ty Cổ phần Dược phẩm Me Di Sun (Địa chỉ: Số 521, Khu phố An Lợi, Phường Hòa Lợi, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ (tháng)	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký	Lần gia hạn
2	Vinpocetin	Vinpocetin 10mg	Viên nang mềm	36	USP40	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VD-22486-15	01

3. Cơ sở đăng ký: Công ty Cổ phần Dược phẩm Nam Hà (Địa chỉ: 415 Hàn Thuyên, phường Vị Xuyên,TP. Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam)

3.1. Cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần Dược phẩm Nam Hà (Địa chỉ: 415 Hàn Thuyên, phường Vị Xuyên,TP. Nam Định, Tỉnh Nam Định), Việt Nam

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ (tháng)	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký	Lần gia hạn
3	Nemydexan	Mỗi 5ml chứa: Neomycin sulfat 17000IU; Dexamethason natri phosphat 5mg	Dung dịch nhỏ mắt, mũi, tai	24	TCCS	Hộp 1 Lọ x 8ml; Hộp 1 Lọ x 5ml	VD-23609-15	01

4. Cơ sở đăng ký: Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương I - Pharbaco (Địa chỉ: 160 Tôn Đức Thắng, phường Hàng Bột, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam)

4.1. Cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương I - Pharbaco (Địa chỉ: Thôn Thạch Lỗi, xã Thanh Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội, Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ (tháng)	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký	Lần gia hạn
4	Giovali	Bivalirudin 250mg	Thuốc bột đông khô pha tiêm	24	TCCS	Hộp 1 lọ	QLĐB-627-17	01

4.2. Cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương I - Pharbaco (Địa chỉ: 160 Tôn Đức Thắng, phường Hàng Bột, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ (tháng)	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký	Lần gia hạn
5	Vigentin 500 mg/62,5 mg	Amoxicilin (dưới dạng Amoxicilin trihydrat) 500mg; Acid Clavulanic (dưới dạng Kali clavulanat) 62,5mg	Thuốc bột pha hỗn dịch uống	24	TCCS	Hộp 12 gói x 2g	VD-22223-15	01

syt_hoabinh_vt_Sở Y tế Hòa Bình_01/12/2021 16:46:04

5. Cơ sở đăng ký: Công ty Cổ phần Traphaco (Địa chỉ: Số 75 Phố Yên Ninh, P. Quán Thánh, Q. Ba Đình, TP. Hà Nội, Việt Nam)

5.1. Cơ sở sản xuất: Công ty TNHH Traphaco Hưng Yên (Địa chỉ: Thôn Bình Lương, xã Tân Quang, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ (tháng)	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký	Lần gia hạn
6	Stilux - 60	Rotundin (L-tetrahydropalmatin) 60mg	viên nén	36	TCCS	Hộp 3 vỉ x 10 viên, Hộp 5 vỉ x 10 viên; Hộp 10 vỉ x 10 viên	VD-20340-13	01

6. Cơ sở đăng ký: Công ty CPDP Vĩnh Phúc (Địa chỉ: Số 777, đường Mê Linh, phường Khai Quang, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam)

6.1. Cơ sở sản xuất: Công ty CPDP Vĩnh Phúc (Địa chỉ: Thôn Mậu Thông, phường Khai Quang, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ (tháng)	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký	Lần gia hạn
7	Vingen	Paracetamol 500mg; Clorpheniramin maleat 2mg	Viên nén	36	TCCS	Hộp 10 vỉ x 10 viên	VD-18007-12	01